TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 286/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân:Bà Dương Thị Kim Hồng và bà Ngô Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dươngtham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tưởng -Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 364/2023/TLST-HNGĐ ngày 31/7/2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đào Thị Tr,** sinh năm 1996.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại quận Đào Viên, Đài Loan (Trung Quốc).Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn T, xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người được chị Tr ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng: Ông **Mai Văn B**, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số 10 N, phường H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đào Thị Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương, ngày 21/10/2009. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại địa phương, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn không được cải thiện nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2019, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Đến nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 02/8/2010 và Nguyễn Trung H1, sinh ngày 05/10/2013, hiện nay đang ở cùng với anh H. Do chị đang lao động tại nước ngoài, không có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con nên khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của anh Nguyễn Văn H trình bày: Về quan hệ hôn nhân như chị Tr đã trình bày. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại địa phương, cuộc sống vợ chồng hòa hợp, thỉnh thoảng anh chị chỉ xảy ra những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống. Năm 2018 anh H đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), trong thời gian ở nước ngoài anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng mỗi người ở một nơi, không có sự tin tưởng nhau. Năm 2019 chị Tr đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), kể từ thời điểm sang nước ngoài chị Tr không quan tâm, liên lạc và không có trách nhiệm với gia đình. Năm 2022 anh về nước và sinh sống tại địa phương. Bản thân anh xác định vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, tình cảm không thể hàn gắn được nên chị Tr có đơn xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung vợ chồng anh có hai con chung như chị Tr trình bày, hiện đang ở cùng với anh. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Về tài sản chung, nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Con chung Nguyễn Trung H1, Nguyễn Trung H có nguyện vọng được ở cùng với bố là Nguyễn Văn H.

Theo biên bản xác minh tại địa phương nơi các đương sự sinh sống và đăng ký kết hôn thể hiện: Chị Đào Thị Tr và anh Nguyễn Văn H kết hôn hợp pháp. Thông qua nắm bắt thông tin thì khu dân cư nắm được anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không có sự tin tưởng nhau. Thực tế anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Tr có đơn xin ly hôn,

địa phương đề nghị Tòa án xem xét ý kiến các đương sự và quy định pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Đào Thị Tr, bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt và có đơn, quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX), các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 110, 116 Luật HN&GĐ, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị Tr ly hôn anh Nguyễn Văn H; Về quan hệ nuôi con: Giao hai con chung Nguyễn Trung H, sinh ngày 02/8/2010 và Nguyễn Trung H1, sinh ngày 05/10/2013 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc chị Đào Thị Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.500.000 đồng/01 con chung/01tháng. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Đào Thị Tr phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đào Thị Tr hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc), không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng đã gửi đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, giấy ủy quyền giao nhận các văn bản tố tụng đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu này đều có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định đúng ý chí, nguyện vọng ly hôn của chị Đào Thị Tr và việc Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, chị Tr, anh H vắng mặt và có đơn, đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Tr và anh Nguyễn Văn H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương, ngày 21/10/2009 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, mỗi người ở một nơi, không có sự tin tưởng nhau. Trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chia sẻ, yêu thương,

chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Bản thân anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng nhất trí ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tr và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh qua lời khai của các đương sự. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Tr ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị Đào Thị Tr và anh Nguyễn Văn H có hai con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 02/8/2010 và Nguyễn Trung Hy, sinh ngày 05/10/2013. Xét về thực tế hai con chung đang ở cùng với anh H và đều có nguyện vọng ở với bố, chị Tr hiện nay đang sinh sống ở nước ngoài và nhất trí để anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Để đảm bảo sự ổn định và phát triển về mọi mặt của con chung, HĐXX chấp nhận giao cho anh Nguyễn Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu chị Tr có căn cứ cho rằng anh H không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chị Tr có quan điểm quá trình anh H chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, chị sẽ nghĩa vụ cấp dưỡng. Anh H xác định khi nuôi con phải có nhiều khoản chi phí sinh hoạt hàng tháng và phục vụ nhu cầu H tập của các con chung nên yêu cầu chị Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. HĐXX thấy chị Tr hiện đang lao động tại nước ngoài và có thu nhập, các con chung đang trong độ tuổi đi H. Bên cạnh đó, theo kết quả xác minh tại địa phương thể hiện mức chi phí sinh hoạt phục vụ nhu cầu thiết yếu cho trẻ trong độ tuổi trên là 3.000.000 đồng tháng. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên và khả năng cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, cần buộc chị Tr phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 1.500.000đồng/01 con chung/01 tháng, cả 02 con chung là 3.000.000đ/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr, anh H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3]Về án phí: Chị Đào Thị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83; 110; 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Đào Thị Tr** ly hôn anh **Nguyễn Văn H.**

2.Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Trung H, sinh ngày 02/8/2010 và Nguyễn Trung H1, sinh ngày 05/10/2013. Buộc chị Đào Thị Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Nguyễn Trung H là 1.500.000đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng) và Nguyễn Trung Hy là 1.500.000đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Không ai được cản trở chị Đào Thị Tr thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Đào Thị Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do ông Mai Văn Bình đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0002421 ngày 28/7/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Chị Đào Thị Tr phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng cho con.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Đào Thị Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương(để ghi sổ hộ tịch);*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân